

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
4. BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT	04 - 06
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07 - 13
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 19
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT	20 - 21
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	22 - 60

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 970.000.000.000 VND

Vốn pháp định: 300.000.000.000 VND

Tên tiếng anh: VPBank Securities Join Stock Company

Tên giao dịch: Công Ty Chứng Khoán Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Hoạt động chính của Công ty:

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Tp.HCM: Lầu 3, số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 112 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Công ty con: Công ty TNHH VPBS (Myanmar) thành lập ngày 21 tháng 10 năm 2013 theo Giấy phép số 580 FC do Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Quốc gia Chính phủ Cộng hòa Liên bang Myanmar cấp. Trụ sở chính: No 134/A, Than Lwin Road, Golden Valley Ward 1, Bahan Township, Yangon. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, công ty này chưa tiến hành các hoạt động kinh doanh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất trong kỳ của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Kế toán trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Lâm Dũng	Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Ông	Nguyễn Hồng Trường	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Bà	Kim Ly Huyền	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Ông	Indronil Sengupta	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Ông	Nguyễn Quang Anh	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016

Ban Kiểm soát

Bà	Lê Thu Minh	Trưởng ban, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Bà	Lê Thị Thu	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016
Bà	Phan Thị Lan	Thành viên, bổ nhiệm ngày 08/01/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Kế toán

Ông	Nguyễn Lâm Dũng	Tổng Giám Đốc, bổ nhiệm ngày 21/06/2010
Bà	Trần Thị Thanh Huyền	Trưởng phòng Kế toán, bổ nhiệm ngày 01/01/2011

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông	Nguyễn Lâm Dũng	Tổng Giám Đốc
-----	-----------------	---------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Báo cáo tài chính của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN LÂM DŨNG

Chủ tịch HĐQT - Kiểm Tổng Giám đốc



Số: 07162901HN/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 4 đến trang 60, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

KIỂM TỐN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

Điện thoại: 0794-2913-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
I.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		406.894.212.923
a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VII.2.1	64.210.533.408
b.	Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		-
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		342.683.679.515
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VII.4	33.131.276.726
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.4	37.836.572.771
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-
1.6	Doanh thu môi giới chứng khoán	06	VII.1	19.774.896.467
1.7	Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-
1.8	Doanh thu tư vấn	08	VII.1	71.592.356.732
1.9	Doanh nhận ủy thác, đầu giá	09		-
1.10	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	10		1.709.790.340
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11		2.768.259.949
	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	20		573.707.365.908
II.	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	VII.2.2	349.560.382.198
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		349.560.382.198
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2		-
c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-
2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-
2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		40.142.564.608
2.5	Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26		4.720.334.777
2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	27		33.135.439.782
2.8	Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-
2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		4.007.120.682
2.10	Chi phí lưu ký chứng khoán	30		745.764.035
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		5.352.358.622
2.12	Chi phí khác	32		5.278.635.973
	Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-
	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)	40		442.942.600.677

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		156.628
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		850.855.586
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)	50	VII.5	851.012.214
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		130.062.477
4.2 Chi phí lãi vay	52		26.639.302.022
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-
4.5 Chi phí đầu tư khác	55		-
5. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	56		-
Cộng chi phí tài chính (50 = 51→54)	60	VII.5	26.769.364.499
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.6	21.053.642.721
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		83.792.770.225
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		VII.7	
8.1 Thu nhập khác	71		20.151.802.862
8.2 Chi phí khác	72		1.055.497.032
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		19.096.305.830
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		102.889.076.055
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		102.889.076.055
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VII.8	20.510.756.680
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		20.510.756.680
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		82.378.319.375
11.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		-
11.2 Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ (Quỹ dự trữ vốn điều lệ, Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo quy định của Điều lệ Công ty là ...%)	202		-
11.3 Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát	203		-

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	301		-
12.2 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	302		-
12.3 Lãi/(Lỗ) toàn diện khác được chia từ hoạt động đầu tư vào công ty con, đầu tư liên doanh, liên kết	303		-
12.4 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh	304		-
12.5 Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	305		-
12.6 Lãi/(Lỗ) từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh chưa chia	306		-
12.7 Lãi/(Lỗ) đánh giá công cụ phái sinh	307		-
12.8 Lãi/(Lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	308		-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho đối tượng khác (nếu có)	402		-
XII THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VII.9	849
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		849

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIÊN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN



TRẦN THỊ THANH HUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B02g - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		3.304.285.646.471	3.451.575.743.673
I.	Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		3.257.385.443.065	3.436.032.256.347
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111		760.723.507.895	484.955.660.820
1.1.	Tiền	111.1		556.807.286.771	106.569.540.168
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		203.916.221.124	378.386.120.652
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	VI.1	244.248.859.835	362.902.891.451
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		195.700.000.000	577.887.236.038
4.	Các khoản cho vay	114	VI.2	696.387.235.305	801.785.553.654
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(26.178.794.662)	(1.391.483.179)
7.	Các khoản phải thu	117		974.870.818.569	479.474.731.242
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		194.643.680.430	57.152.177.615
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	30.442.228.833
	Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	117.3.1		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		194.643.680.430	26.709.948.782
7.3.	Phải thu của khách hàng	117.5a		777.657.297.599	421.747.368.443
7.4.	Trả trước cho người bán	117.5a		2.569.840.540	575.185.184
8.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118		-	-
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		41.124.504.187	14.565.407.784
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122		420.175.880.685	750.453.048.444
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(49.666.568.749)	(34.600.789.907)
II.	Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 136)	130	VI.5.1	46.900.203.406	15.543.487.326
1.	Tạm ứng	131		42.143.143.720	9.426.854.890
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		97.360.909	86.930.909
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133		2.511.029.246	4.274.081.996
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		2.148.669.531	1.755.619.531
5.	Tài sản ngắn hạn khác	135		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	136		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B02g - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	30/06/2016	01/01/2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN			
	(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200	25.744.531.617	25.454.942.142
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210	-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211	-	-
2.	Các khoản đầu tư	212	-	-
2.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	-	-
2.2.	Đầu tư vào công ty con	212.2	-	-
2.3.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3	-	-
II.	Tài sản cố định	220	12.654.019.417	14.864.429.942
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12.495.719.680	14.668.880.183
	- Nguyên giá	222	34.765.112.710	34.669.962.710
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a	(22.269.393.030)	(20.001.082.527)
	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	- Nguyên giá	225	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a	-	-
	- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		
3.	Tài sản cố định vô hình	227	158.299.737	195.549.759
	- Nguyên giá	228	17.632.786.164	17.632.786.164
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a	(17.474.486.427)	(17.437.236.405)
	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		
III.	Bất động sản đầu tư	230	-	-
	- Nguyên giá	231	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a	-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250	13.090.512.200	10.590.512.200
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	-	-
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	-	-
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	-	-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	13.090.512.200	10.590.512.200
5.	Tài sản dài hạn khác	255	-	-
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3.330.030.178.088	3.477.030.685.815

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B02g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2.229.429.732.001	2.458.808.559.103
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		197.498.362.182	308.808.559.103
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1.	Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	315		-	-
4.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5.	Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7.	Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	1.656.810.895
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		46.542.300.000	11.571.500.000
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		15.855.052.195	5.786.591.552
11.	Phải trả người lao động	323		-	-
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		305.522.601	298.372.556
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.8	23.716.541.345	82.862.924.816
14.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.8	111.078.854.923	206.632.268.166
18.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		91.118	91.118
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		2.031.931.369.819	2.150.000.000.000
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341		-	-
1.1.	Vay dài hạn	342		-	-
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	343		-	-
2.	Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	345		-	-
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	VI.7	2.031.931.369.819	2.150.000.000.000
5.	Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6.	Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7.	Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8.	Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11.	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B02g - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư	355		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1.100.600.446.087	1.018.222.126.712
I.	Vốn chủ sở hữu	410		1.100.600.446.087	1.018.222.126.712
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.9	970.000.000.000	970.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		970.000.000.000	970.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		970.000.000.000	970.000.000.000
b.	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ điều lệ	414	VI.11	1.533.968.431	1.533.968.431
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	VI.11	19.076.726.531	19.076.726.531
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.11	109.989.751.125	27.611.431.750
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		109.989.751.125	27.611.431.750
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
8.	Lợi ích của cổ đông không nắm quyền kiểm soát	418		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			1.100.600.446.087	1.018.222.126.712
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		3.330.030.178.088	3.477.030.685.815
	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450			
1.	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451			

13
 ĐN
 TM
 TC
 VU
 NB
 CH
 11

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A.	TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3.	Tài sản nhận thế chấp	003			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5.	Ngoại tệ các loại	005			
	USD			4.215,21	100,03
	EUR			261.431,07	-
6.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		97.000.000	97.000.000
7.	Cổ phiếu quỹ	007			
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		36.294.330.000	36.294.310.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>				
a.		008.1		36.294.330.000	16.294.310.000
b.	<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	008.2			
c.	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	008.3		-	20.000.000.000
d.	<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	008.4			
e.	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	008.5			
f.	<i>Tài sản tài chính chờ cho vay</i>	008.6			
g.	<i>Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	008.7			
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>				
a.		009.1			
b.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	009.2			
c.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố</i>	009.3			
d.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ</i>	009.4			
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011			
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		142.137.420.000	174.316.000.000
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013			

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

B.	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	Mã số	Thuyết minh	Số lượng chứng khoán	
				30/06/2016	01/01/2016
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		837.206.736	540.994.218
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		341.668.778	399.193.223
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2			
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		494.257.958	140.520.995
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4			
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5			
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
g.	Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	021.6		1.280.000	1.280.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022			
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1			
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2			
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023			
4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024			
5.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025			
6.	Tiền gửi của khách hàng	026		228.547.622.690	213.346.260.615
6.1	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	VI.6	221.902.837.779	179.365.846.060
a.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1		221.902.837.779	179.365.846.060
b.	Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	027.2			
6.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng				
6.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	028			

Đồng Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	028.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	028.2			
6.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	029		6.644.784.911	33.980.414.555
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		221.912.658.609	179.365.846.060
7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		220.919.268.321	178.948.403.306
7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		522.817.959	373.891.487
7.3 Phải trả khác của Nhà đầu tư	030.3		470.572.329	43.551.267
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031			
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.1			
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.2			
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	21.252.000.000
10. Phải thu/phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.	033			
11. Phải trả vay CTCK	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		6.634.964.081	12.728.414.555

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN MINH TIÊN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

TRẦN THỊ THANH HUYỀN

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		102.889.076.055
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(70.158.345.556)
- Khấu hao TSCĐ	03		2.305.560.525
- Các khoản dự phòng	04		39.853.090.325
(-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05		129.981.692
- Chi phí phải trả, dự phòng phải trả	06		82.196.702.332
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		-
- Dự thu tiền lãi	08		(194.643.680.430)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	11		-
- Lỗ suy giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	12		-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản AFS khi phân loại lại	14		-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-
- Lỗ khác	17		-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	19		-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản AFS khi phân loại lại	20		-
- Lãi khác	21		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		361.330.878.449
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	31		118.654.031.616
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		382.187.236.038
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		105.398.318.349
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(355.909.929.156)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		57.152.177.615
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(26.559.096.403)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		328.282.512.403
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(33.856.716.080)
- Tăng (giảm) vay ngắn hạn	41		-
- Tăng (giảm) vay tài sản tài chính	42		-
- Tăng (giảm) Trái phiếu chuyển đổi - Cấu phần nợ	43		-
- Tăng (giảm) Trái phiếu phát hành	44		-
- Tăng (giảm) vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	45		-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	46		(1.656.810.895)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	47		7.150.045
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48		(10.442.296.037)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	49		-
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	50		-
- Tăng (giảm) phải trả phải nộp khác	51		(201.925.699.046)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	52		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	53		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		394.061.608.948

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(95.150.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính	65		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(95.150.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	72		-
3. Tiền vay gốc	73		4.053.642.297.302
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-
3.2 Tiền vay khác	73.2		4.053.642.297.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(4.171.710.927.483)
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(4.171.710.927.483)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(118.068.630.181)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		275.897.828.767

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		484.955.660.820
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		484.955.660.820
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		106.569.540.168
- Các khoản tương đương tiền	102.2		378.386.120.652
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102.3		-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		760.723.507.895
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		760.723.507.895
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		556.937.268.463
- Các khoản tương đương tiền	104.2		203.916.221.124
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104.4		(129.981.692)

ỨNG
CÓ
T
M
+ V
HÀ
CÓ
/ /

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		6.796.368.522.305
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(6.820.095.190.900)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	3		-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	4		-
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	5		8.071.410.859.664
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	6		(17.287.999.410.036)
7. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	7		-
8. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	8		-
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	9		9.231.649.581.042
10. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		23.867.000.000
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		15.201.362.075
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		213.346.260.615
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		213.346.260.615
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			179.365.846.060
Trong đó có kỳ hạn	32		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B03bg - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	TM	06 tháng đầu năm 2016
Trong đó có kỳ hạn	33	
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35	
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		33.980.414.555
Trong đó có kỳ hạn	36	
Các khoản tương đương tiền	37	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	38	
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	228.547.622.690
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		221.902.837.779
Trong đó có kỳ hạn	42	
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		
Trong đó có kỳ hạn	43	
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44	
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45	
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		
Trong đó có kỳ hạn	46	6.644.784.911
Các khoản tương đương tiền	47	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	48	

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIÊN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN



TRẦN THỊ THANH HUYỀN

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm
		01/01/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		30/06/2016	
			Tăng	Giảm		
A		2	5	6	8	
1. Biến động vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		970.000.000.000	-	-	970.000.000.000	
1.1. Vốn pháp định		300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	
1.2. Vốn bổ sung		670.000.000.000	-	-	670.000.000.000	
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-	-	-	
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	
2. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		1.533.968.431	-	-	1.533.968.431	
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		19.076.726.531	-	-	19.076.726.531	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	
8. Lợi nhuận chưa phân phối		27.611.431.750	182.486.761.652	100.108.442.277	109.989.751.125	
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		27.611.431.750	182.486.761.652	100.108.442.277	109.989.751.125	
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	
Cộng		1.018.222.126.712	182.486.761.652	100.108.442.277	1.100.600.446.087	

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm
		01/01/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		30/06/2016	
			Tăng	Giảm		
A		2	5	6	8	

II. Thu nhập toàn diện khác

- Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Phần sở hữu đối với thu nhập toàn diện khác của công ty liên doanh, liên kết
- Lãi, lỗ đánh giá công cụ tài chính phái sinh
- Lãi, lỗ giao dịch kinh doanh ở nước ngoài
- Tăng, giảm khoản vốn góp vào công ty con
- Mua các khoản đầu tư vào công ty con
- Thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con
- Mua cổ phiếu quỹ
- Thanh lý cổ phiếu quỹ
- Thay đổi vốn chủ sở hữu của cổ đông không nắm quyền kiểm soát

Cộng

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIÊN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN



TRẦN THỊ THANH HUYỀN

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN LÂM DŨNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Mô hình hoạt động và quản lý kinh doanh của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Trụ sở chính: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

3. Danh sách cổ đông lớn của Tập đoàn

Nhà đầu tư	Tỷ lệ vốn góp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	11,00%
Công ty TNHH Lộc Kim Sơn	35,33%

4. Danh sách công ty con

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và trụ sở chính	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	% sở hữu	Thông tin khác
Công ty TNHH VPBS (Myanmar) Trụ sở chính: No 134/A, Than Lwin Road, Golden Valley Ward 1, Bahan Township, Yangon.	Giấy phép số 580 FC do Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Quốc gia Chính phủ Cộng hòa Liên bang Myanmar cấp ngày 21 tháng 10 năm 2013.	Nghiên cứu các điều kiện kinh tế, thương mại, phân tích ngành công nghiệp và kinh doanh.	99%	Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã góp vốn vào công ty con, số tiền: 535.881.668 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, công ty này chưa tiến hành các hoạt động kinh doanh.

5. Danh sách công ty con không được hợp nhất: không có.

6. Danh sách công ty liên kết: không có.

7. Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn.

7.1. Quy mô vốn Tập đoàn: 970.000.000.000 VND

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Mục tiêu đầu tư chính của Tập đoàn là:

- (i) Tối đa hóa lợi nhuận của khách hàng
- (ii) Gia tăng giá trị của các cổ đông
- (iii) Cùng phát triển với đối tác
- (iv) Chăm lo cuộc sống của cán bộ nhân viên

7.3. Hạn chế đầu tư: Tập đoàn Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung TT210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

8. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

9. Tổng số nhân viên đến thời điểm lập báo cáo cuối kỳ: 286 người (tại ngày 31/12/2015: 298 người).

10. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Tập đoàn có hai chi nhánh bao gồm:

Chi nhánh tại Tp. HCM: tại số 76 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.

Chi nhánh tại Đà Nẵng: tại số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

11. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán tài chính hợp nhất của Tập đoàn: kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

194
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.)

Thông tư 210/2014/TT-BTC đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tập đoàn đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 theo quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC khi so sánh với số liệu báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, thu nhập toàn diện hợp nhất, các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tập đoàn.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

Cơ sở trình lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất giữa Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con do Tập đoàn kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các tổ chức nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các tổ chức này.

Khi cần thiết, việc điều chỉnh được thực hiện trên Báo cáo tài chính của các công ty con để các chính sách kế toán của các công ty con đồng bộ với các chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Tất cả các giao dịch nội bộ, liên quan đến tài sản và nợ phải trả, thu nhập và chi phí được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Thu nhập và chi phí của các công ty con mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất kể từ ngày mua hoặc và cho đến ngày bán khoản đầu tư tại công ty đó. Giá trị ghi sổ của lợi ích không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh tỷ lệ sở hữu thay đổi so với thời điểm ban đầu. Tổng thu nhập toàn diện của các công ty con được phân bổ cho chủ hữu Tập đoàn và lợi ích không kiểm soát ngay cả giá trị này thuộc phần lợi ích không kiểm soát là số âm.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Những thay đổi trong lợi ích của chủ sở hữu Tập đoàn trong các công ty con mà không có sự mất kiểm soát đối với các công ty con được ghi nhận là các giao dịch biến động vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của lợi ích của chủ sở hữu Tập đoàn và lợi ích không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh những thay đổi về lợi ích liên quan trong các công ty con. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ đã được điều chỉnh và giá trị của khoản thanh toán cho phần lợi ích thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu và thuộc phần đóng góp vào vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

Trường hợp Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với một công ty con, lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý được xác định là chênh lệch giữa tổng giá trị của khoản thanh toán nhận được và giá trị của phần lợi ích được giữ lại và giá trị ghi sổ trước thời điểm thanh lý của tài sản (bao gồm lợi thế thương mại), nợ phải trả của công ty con đó và lợi ích không kiểm soát. Trường hợp tài sản của công ty con đó được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại hoặc giá trị và phần lãi/lỗ lũy kế từ việc đánh giá lại được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác và được ghi nhận lũy kế vào vốn chủ sở hữu, giá trị đã ghi nhận trước đó vào thu nhập toàn diện khác và đã lũy kế trên vốn chủ sở hữu được hạch toán như một giao dịch Tập đoàn trực tiếp thanh lý các tài sản liên quan (tức là phân loại sang lợi nhuận hoặc phân loại lại sang lợi nhuận giữ lại). Giá trị của khoản đầu tư giữ lại trong công ty con trước đây tại ngày mất kiểm soát được ghi nhận theo giá trị tại thời điểm ghi nhận ban đầu và được hạch toán sau ghi nhận ban đầu theo Chuẩn mực Các công cụ tài chính; Ghi nhận và xác định giá trị hoặc, nếu phù hợp, ghi nhận theo phương pháp giá gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu của một khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng chung trong Tập đoàn: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210/2014/TT-BTC ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016 bao gồm:

Thay đổi biểu mẫu, cách lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị gốc;
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế;

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận doanh thu tư vấn) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền gửi thanh toán) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 30/06/2016: 22.280 VND/USD; 24.535 VND/EUR.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 30/06/2016: 22.350 VND/USD; 25.033 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

3.1 Tiền gửi hoạt động của Tập đoàn

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán (Tài khoản ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất)

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản đầu tư

4.1 Nguyên tắc phân loại các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Tập đoàn.

Tài sản tài chính được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày thấu tóm: "Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (FVTPL)", "cho vay và phải thu", "Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)" và "Khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)".



Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.1.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ, được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Một tài sản tài chính khác với một tài sản tài chính nắm giữ để mua bán có thể được chỉ định là theo FVTPL ghi nhận ban đầu nếu:

- Các yếu tố chỉ định này hay sự suy giảm đáng kể của khoản ghi nhận hay việc đo lường không thống nhất mà nếu không sẽ phát sinh; hoặc
- Tài sản tài chính đó hình thành một phần của tài sản tài chính hoặc nợ của Tập đoàn hoặc cả hai, được quản lý và kết quả của nó được tính toán trên cơ sở giá trị hợp lý, phù hợp với chiến lược đầu tư và quản lý rủi ro số sách của Tập đoàn, và thông tin về Tập đoàn được cung cấp nội bộ trên cơ sở đó, hoặc
- Nó thành một phần của một hợp đồng chứa đựng một hay nhiều phái sinh đính kèm và phù hợp với IAS - 39 Các công cụ Tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị, cho phép toàn bộ hợp đồng hỗn hợp được chỉ định là theo FVTPL.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá gốc (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi lỗ và được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện.

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính thuộc nhóm khác khi bán cần phải phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

4.1.2 Tài sản tài chính AFS:

Tài sản tài chính không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.1.3 Tài sản tài chính HTM:

Khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn là tài sản tài chính không phải sinh với việc chi trả là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Tập đoàn có ý định tích cực và khả năng nắm giữ tới ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phải sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phải sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phải sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện như là các điều chỉnh do phân loại lại.

4.1.4 Cho vay và phải thu:

Tài sản tài chính không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định khi xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

Sau ghi nhận ban đầu các khoản cho vay phải được xác định giá trị theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ:

- Các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Các công cụ nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận.
- Các hợp đồng bảo lãnh tài chính.
- Các cam kết cung cấp các khoản cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư

4.2.1 Đối với Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết có thị trường hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Cổ phiếu niêm yết có thị trường hoạt động bị hạn chế:

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

4.2.2 Đối với trái phiếu niêm yết

Đối với trái phiếu niêm yết giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

4.2.3 Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ

Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Tập đoàn được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

4.2.4 Đối với khoản đầu tư cho vay

Đối với khoản đầu tư cho vay cần đánh giá tại ngày lập báo cáo tài chính xem có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự suy giảm giá trị của một hoặc một nhóm tài sản tài chính cho vay. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện.

Bằng chứng khách quan cho thấy sự suy giảm giá trị của một hoặc một nhóm tài sản tài chính bao gồm các dữ liệu thu thập được về các sự kiện lỗ thông qua việc phân loại nợ thành 5 nhóm và tỷ lệ trích lập dự phòng theo mức quy định trong Thông tư 210/2014/TT-BTC. Cụ thể:

+ Tỷ lệ trích lập dự phòng đối với nợ nhóm 1 là 0%.

13
Đ
T
T
V
N
C
P

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- + Tỷ lệ trích lập dự phòng đối với nợ nhóm 2 là 5%.
- + Tỷ lệ trích lập dự phòng đối với nợ nhóm 3 là 20%.
- + Tỷ lệ trích lập dự phòng đối với nợ nhóm 4 là 50%.
- + Tỷ lệ trích lập dự phòng đối với nợ nhóm 5 là 100%.
- + Tỷ lệ trích lập dự phòng chung được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Tập đoàn xem xét đánh giá tình hình suy giảm giá trị tài sản tài chính HTM. Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

Đối với tài sản tài chính HTM: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất - Phần lãi/lỗ.

Đối với các tài sản tài chính AFS: Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Tập đoàn phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

5.1 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về đầu tư:

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

5.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính:

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu " Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

5.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được xem xét trích lập dự phòng rủi ro ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng rủi ro được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Quá hạn từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm: 30%

Quá hạn từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm: 50%

Quá hạn từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm: 70%

Quá hạn từ ba (03) năm trở lên: 100%

6. Nguyên tắc phân loại và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả:

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính khác đo lường theo chi phí phân bổ.

6.1 Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định theo FVTPL. Tất cả công cụ phải sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả.

6.2 Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân loại theo FVTPL thì được xác định theo chi phí phân bổ.

6.2.1 Ghi nhận và xác định giá trị

Tập đoàn ghi nhận các tài sản tài/nợ chính tại ngày mua bán (ngày hợp đồng cho mua bán). Tất cả các loại công cụ tài chính, ngoại trừ tài sản/nợ tài chính theo FVTPL, được đo lường theo giá trị vào thời điểm ghi nhận ban đầu cộng với các chi phí giao dịch mà góp phần trực tiếp vào việc thu tóm (chi phí phát hành). Tài sản/nợ tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị và chi phí giao dịch góp phần trực tiếp vào việc thu tóm (chi phí phát hành) được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản/nợ tài chính theo FVTPL và tài sản tài chính AFS theo đó được đo lường theo giá trị hợp lý. Tài sản tài chính HTM, các khoản cho vay và phải thu và các khoản nợ tài chính khác được đo lường theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp tỷ lệ lãi suất thực. Lãi hay lỗ này sinh từ những thay đổi trong giá trị của tài sản/nợ tài chính theo FVTPL được trình bày trong báo cáo thu nhập toàn diện trong suốt thời kỳ mà nó này sinh. Những thay đổi về giá trị của chứng khoán tiền tệ và phi tiền tệ, được phân loại là các tài sản tài chính AFS, được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác.

Thu nhập cổ tức từ các tài sản tài chính theo FVTPL là các tài sản tài chính AFS được ghi nhận trong thu nhập thuần khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

Các tài sản tài chính AFS ghi nhận việc điều chỉnh giá trị lũy kế, mà trước đó được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu, trong thu nhập thuần khi chuyển nhượng tài sản hoặc ghi nhận lỗ giảm giá.

6.2.2 Dừng ghi nhận tài sản và nợ tài chính

Tập đoàn dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản đó cho CTCK khác. Nếu Tập đoàn không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Tập đoàn ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Tập đoàn dừng ghi nhận nợ tài chính khi và chỉ khi nghĩa vụ của Tập đoàn đã được miễn huỷ hoặc hết hạn.

6.2.3 Giá trị của tài sản và nợ tài chính

Các công cụ phái sinh, tài sản và nợ tài chính nắm giữ để mua bán, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị là khoản tiền mà một tài sản có thể trao đổi, hay một khoản nợ được tất toán giữa các bên hiểu biết và sẵn sàng tham gia giao dịch một cách công bằng.

Giá trị của các công cụ tài chính niêm yết trên các thị trường hoạt động được dựa trên cơ sở giá chào mua. Nếu không có thị trường hoạt động cho một công cụ tài chính, Tập đoàn thiết lập giá trị thông qua việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Phương thức này bao gồm việc sử dụng các giao dịch thị trường gần nhất, có tham khảo giá trị hiện hành của các giao dịch tương tự và phân tích dòng tiền chiết khấu.

7. Bù trừ công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>3 - 6 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 - 8 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 14,5 năm</i>
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>3 - 5 năm</i>
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>5 - 10 năm</i>

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu được theo dõi và hạch toán chi tiết các nội dung bao gồm mệnh giá trái phiếu phát hành, các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc các khoản phụ trội (nếu có). Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu. Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để tính giảm trừ chi phí tài chính đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu. Tổng giá trị các khoản vay bằng phát hành trái phiếu được tính trên cơ sở tổng mệnh giá trái phiếu trừ (-) đi khoản tổng các khoản chiết khấu (nếu có) và cộng (+) thêm tổng các khoản phụ trội (nếu có).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận khoản dự phòng nếu nó có một nghĩa vụ hiện tại hoặc nghĩa vụ hợp đồng là kết quả của sự kiện trong quá khứ, nó có thể là một luồng tiền ra của nguồn tiền sẽ được yêu cầu để thiết lập nghĩa vụ, và số tiền cho nghĩa vụ đó được ước tính đáng tin cậy. Các khoản dự phòng không được ghi nhận cho khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Tập đoàn ghi nhận khoản dự phòng liên quan tới bảo lãnh thanh toán và kiện tụng. Trường hợp Tập đoàn được yêu cầu khôi phục một tài sản cho thuê mà đã được sử dụng là một chi nhánh, với một điều kiện đã thỏa thuận sau khi điều khoản hợp đồng hết hạn, giá trị hiện tại của số tiền kỳ vọng được sử dụng để xử lý, để ngừng hoạt động hoặc để sửa chữa cơ sở vật chất là một nghĩa vụ pháp lý của tài sản.

13. Ghi nhận thu nhập và chi phí từ lãi

Tập đoàn ghi nhận thu nhập và chi phí từ lãi từ các tài sản tài chính HTM được đo lường theo giá trị phân bổ, khoản cho vay và phải thu, và khoản nợ tài chính khác theo giá trị phân bổ trên cơ sở dồn tích sử dụng phương pháp tỷ lệ lãi suất thực.

14. Lợi ích nhân viên

- Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Tập đoàn khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

- Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các thù lao khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 49 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các quy định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tập đoàn chi bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% áp dụng từ 01/01/2016.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay (vay hợp đồng tín dụng và vay bằng phát hành trái phiếu) và các khoản chi phí phải trả khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận....

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận tuân thủ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 và căn cứ vào điều lệ Tập đoàn, được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cụ thể:

Lợi nhuận thực hiện trong năm của Tập đoàn sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phải: trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Việc phân chia lợi nhuận còn lại do Đại hội cổ đông quyết định. Mức trích tối đa đối với mỗi quỹ (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ) không quá 10% vốn điều lệ.

18. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

18.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Tập đoàn được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

Cổ phiếu thương chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

18.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Tập đoàn khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

19. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí của Tập đoàn

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập toàn diện phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn luôn đối mặt với các rủi ro tài chính, do đó Tập đoàn phải phân tích và đánh giá mức độ phức tạp của rủi ro, xác định mức độ rủi ro và Tập đoàn có thể chấp nhận và quản trị các rủi ro này.

Quy trình quản trị rủi ro của Tập đoàn bao gồm việc đặt ra các cải tiến cho chất lượng tài sản và danh mục đầu tư nắm giữ dựa trên việc ra các quyết định nhằm tránh và hạn chế các rủi ro thông qua việc nhận biết nguyên nhân của các rủi ro tiềm ẩn và phạm vi ảnh hưởng của nó.

Tập đoàn sử dụng phương thức nhằm tối thiểu hoá rủi ro và tối đa hoá lợi nhuận thông qua việc quản trị rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, loại trừ rủi ro quá mức của các công cụ tài chính. Để đạt được mục đích này, Tập đoàn thiết lập và thực hiện các thủ tục: phát hiện rủi ro, đo lường và đánh giá, kiểm soát, giám sát và báo cáo.

1. Rủi ro tín dụng

1.1 Tổng giá trị các khoản tài sản chịu rủi ro tín dụng

Tài sản tài chính	Đối tác	30/06/2016	01/01/2016
Các khoản cho vay và phải thu	Chính phủ	-	-
	Các tổ chức tín dụng	4.685.555.266	29.823.439.556
	Doanh nghiệp	808.877.143.756	649.377.367.476
	Cá nhân	1.318.995.739.724	1.367.077.934.092
	Cộng	2.132.558.438.746	2.046.278.741.124
Tài sản tài chính định giá theo FVTPL	Chứng khoán nợ nắm giữ để kinh doanh	- 244.248.859.835	362.902.891.451
	Tài sản tài chính phái sinh	-	-
	Cộng	244.248.859.835	362.902.891.451

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.1 Tổng giá trị các khoản tài sản chịu rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tài sản tài chính	Đối tác	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính AFS	Chứng khoán nợ AFS	-	-
Tài sản tài chính (phòng ngừa rủi ro)	Tài sản tài chính (phòng ngừa rủi ro)	-	-
Tài sản ngoại bảng	Cam kết mua	-	-
	Tổng cộng	2.376.807.298.581	2.409.181.632.575

1.2 Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (xem trang 42 & trang 43)

2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro tổn thất tài sản tài chính từ các giao dịch mua bán do sự biến động của các nhân tố thị trường như: lãi suất, giá chứng khoán và tỷ giá hối đoái.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường: Đối với hoạt động tự doanh, tập đoàn sử dụng các phán đoán để phòng tránh và hạn chế rủi ro bằng cách nhận diện nguồn gốc rủi ro. Đo lường các tham số và đánh giá sự phù hợp của các tham số thông qua hoạt động phân tích và kiểm soát rủi ro.

a. Rủi ro lãi suất

Tập đoàn quản trị các tài sản và công nợ sinh lời từ lãi bằng cách đo lường kỳ thay đổi lãi suất của các tài sản và công nợ theo các kỳ hạn. (Xem trang 44 & trang 45)

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ chỉ xảy ra khi các công cụ tài chính niêm yết bằng ngoại tệ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Tập đoàn không sử dụng các công cụ tài chính bằng ngoại tệ ngoại trừ khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng bằng ngoại tệ và có giá trị không đáng kể. Do đó, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, rủi ro tiền tệ đối với Tập đoàn là không đáng kể.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp khó khăn để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản công nợ. Để tránh nguy cơ thiếu hụt tiền do sự không cân xứng giữa sử dụng nguồn và huy động nguồn vốn hoặc phát sinh những khoản chi trả ngoài dự kiến, Tập đoàn thực hiện phân tích kỳ hạn của các khoản công nợ tài chính nhằm mục tiêu chủ động trong việc điều tiết luồng tiền.

Chi tiết bảng 3a - Bảng phân tích kỳ đến hạn của công nợ tài chính (xem trang 46 & trang 47)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**Mẫu số B05g - CTCK/HN**(Ban hành theo TT số 210/2014 /TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.2 Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (tiếp theo)

Giá trị rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và phải thu theo tình trạng tín dụng như sau:

STT	Tình trạng	30/06/2016				Tổng
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	
1	Chưa quá hạn và không bị suy giảm	-	4.685.555.266	790.291.471.621	1.287.914.843.110	2.082.891.869.997
2	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-	-	-	-
3	Đã suy giảm giá trị	-	-	18.585.672.135	31.080.896.014	49.666.568.149
4	Dự phòng rủi ro tín dụng	-	-	18.585.672.135	31.080.896.014	49.666.568.149
	Giá trị thuần	-	4.685.555.266	790.291.471.621	1.287.914.843.110	2.082.891.869.997

STT	Tình trạng	01/01/2016				Tổng
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	
1	Chưa quá hạn và không bị suy giảm	-	29.823.439.556	630.791.695.341	1.351.062.816.320	2.011.677.951.217
2	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-	-	-	-
3	Đã suy giảm giá trị	-	-	18.585.672.135	16.015.117.772	34.600.789.907
4	Dự phòng rủi ro tín dụng	-	-	18.585.672.135	16.015.117.772	34.600.789.907
	Giá trị thuần	-	29.823.439.556	630.791.695.341	1.351.062.816.320	2.011.677.951.217

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.2 Rủi ro tín dụng các khoản cho vay và phải thu (tiếp theo)**Chất lượng tín dụng**

Tập đoàn quản trị các khoản cho vay và phải thu chưa quá hạn và không suy giảm giá trị thông qua hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Chất lượng tín dụng được thể hiện như sau:

STT	Tình trạng	30/06/2016				
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	Tổng
1	Đạt tiêu chuẩn	-	4.685.555.266	790.291.471.621	1.287.914.843.110	2.082.891.869.997
2	Không đạt tiêu chuẩn	-	-	18.585.672.135	31.080.896.014	49.666.568.149
	Tổng cộng	-	4.685.555.266	808.877.143.756	1.318.995.739.124	2.132.558.438.146
	Giá trị tài sản đảm bảo	-	-	-	-	-

STT	Tình trạng	01/01/2016				
		Chính phủ	Các tổ chức tín dụng	Doanh nghiệp	Cá nhân	Tổng
1	Đạt tiêu chuẩn	-	29.823.439.556	630.791.695.341	1.351.062.816.320	2.011.677.951.217
2	Không đạt tiêu chuẩn	-	-	18.585.672.135	16.015.117.772	34.600.789.907
	Tổng cộng	-	29.823.439.556	649.377.367.476	1.367.077.934.092	2.046.278.741.124
	Giá trị tài sản đảm bảo	-	-	-	-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2a. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tập đoàn quản trị các tài sản và công nợ sinh lời từ lãi bằng cách đo lường kỳ thay đổi lãi suất của các tài sản và công nợ theo các kỳ hạn:

STT	30/06/2016	Trong vòng 3 tháng	3-6 tháng	6-12 tháng	1-5 năm	Cộng
A	Tài sản					
1	Các khoản cho vay và phải thu	2.132.558.438.746				2.132.558.438.746
2	Chứng khoán nợ AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	2.132.558.438.746				2.132.558.438.746
B	Công nợ					
1	Các khoản vay	-	-	-	-	-
2	Trái phiếu	-	-	-	2.031.931.369.819	2.031.931.369.819
	Cộng				2.031.931.369.819	2.031.931.369.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210/2014 /TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2a. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tập đoàn quản trị các tài sản và công nợ sinh lời từ lãi bằng cách đo lường kỳ thay đổi lãi suất của các tài sản và công nợ theo các kỳ hạn:

STT	01/01/2016	Trong vòng 3 tháng	3-6 tháng	6-12 tháng	1-5 năm	Cộng
A	Tài sản					
1	Các khoản cho vay và phải thu	2.046.278.741.124	-	-	-	2.046.278.741.124
2	Chứng khoán nợ AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	2.046.278.741.124	-	-	-	2.046.278.741.124
B	Công nợ					
1	Các khoản vay	-	-	-	-	-
2	Trái phiếu	-	-	-	2.150.000.000.000	2.150.000.000.000
	Cộng	-	-	-	2.150.000.000.000	2.150.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3a. Bảng phân tích kỳ đến hạn của công nợ tài chính (tiếp theo)

Bảng sau đây phân tích kỳ đến hạn của công nợ tài chính, chi tiết các kỳ hạn thanh toán còn lại của các khoản gốc và lãi theo hợp đồng.

STT	30/06/2016	Trong vòng 3 tháng	3-6 tháng	6-12 tháng	1-5 năm	Cộng
1	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-
2	Công nợ tài chính ghi nhận theo FVTPL	-	-	-	-	-
3	Các khoản vay	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu	-	-	830.000.000.000	1.201.931.369.819	2.031.931.369.819
5	Công nợ tài chính khác	-	-	134.795.396.268	-	134.795.396.268
6	Công nợ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-
	Cộng	-	-	964.795.396.268	1.201.931.369.819	2.166.726.766.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Bảng phân tích kỳ đến hạn của công nợ tài chính (tiếp theo)

Bảng sau đây phân tích kỳ đến hạn của công nợ tài chính, chi tiết các kỳ hạn thanh toán còn lại của các khoản gốc và lãi theo hợp đồng.

STT	01/01/2016	Trong vòng 3 tháng	3-6 tháng	6-12 tháng	1-5 năm	Cộng
1	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-
2	Công nợ tài chính ghi nhận theo FVTPL	-	-	-	-	-
3	Các khoản vay	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu	600.000.000.000	-	-	-	1.550.000.000.000
5	Công nợ tài chính khác	-	-	291.152.003.877	-	291.152.003.877
6	Công nợ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-
	Cộng	600.000.000.000	-	291.152.003.877	1.550.000.000.000	2.441.152.003.877

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Tiền gửi ngân hàng	-	-
Cổ phiếu niêm yết	48.065.259.662	65.861.754.453
Cổ phiếu chưa niêm yết	56.290.897.200	63.807.777.200
Trái phiếu niêm yết	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	108.692.702.973	113.233.359.798
Công cụ thị trường tiền tệ	31.200.000.000	120.000.000.000
Các tài sản tài chính phái sinh niêm yết	-	-
Các tài sản tài chính phái sinh chưa niêm yết	-	-
Cộng	244.248.859.835	362.902.891.451

2. Các khoản cho vay

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Cho vay Margin	696.387.235.305	801.785.553.654
Cộng	696.387.235.305	801.785.553.654

3. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 59)

4. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	17.632.786.164	17.632.786.164
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-
Số dư cuối kỳ	17.632.786.164	17.632.786.164
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	17.437.236.405	17.437.236.405
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	37.250.022	37.250.022
Số dư cuối kỳ	17.474.486.427	17.474.486.427

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	195.549.759	195.549.759
Số dư cuối kỳ	158.299.737	158.299.737

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.128.486.164 VND

5. Tài sản khác

5.1 Tài sản ngắn hạn

30/06/2016

01/01/2016

a. Tạm ứng

Tạm ứng phải thu

42.143.143.720

9.426.854.890

Cộng

42.143.143.720

9.426.854.890

b. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ

Công cụ dụng cụ

97.360.909

86.930.909

Cộng

97.360.909

86.930.909

c. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

406.526.926

1.017.438.921

Chi phí chờ phân bổ khác

2.104.502.320

3.256.643.515

Cộng

2.511.029.246

4.274.082.436

d. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Đặt cọc thực hiện hợp đồng

2.148.669.531

1.755.619.531

Cộng

2.148.669.531

1.755.619.531

Tổng cộng tài sản ngắn hạn

46.900.203.406

15.543.487.766

5.2 Tài sản dài hạn

30/06/2016

01/01/2016

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu

3.638.079.146

3.638.079.146

Tiền nộp bổ sung

8.048.812.971

6.167.602.248

Tiền lãi phân bổ hàng năm

1.403.620.083

784.830.806

Cộng

13.090.512.200

10.590.512.200

Tổng cộng tài sản dài hạn

13.090.512.200

10.590.512.200

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tiền gửi của khách hàng ("Tiền gửi")

Chi tiết tiền gửi để sử dụng như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Tiền gửi của khách hàng cho nghiệp vụ môi giới	221.902.837.779	179.365.846.060
Cộng	221.902.837.779	179.365.846.060

7. Trái khoán (xem trang 60)

8. Nợ tài chính khác

Các khoản nợ tài chính khác như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Phải trả khách hàng	-	1.656.810.895
Chi phí phải trả	23.716.541.345	82.862.924.816
Các khoản phải trả khác, gồm:	111.078.854.923	206.632.268.166
(i) Phải trả về hợp đồng môi giới mua CK	110.107.200.000	110.107.200.000
(ii) Các khoản chờ thanh toán với sở GDCK	-	96.001.394.700
(iii) Các khoản phải trả, phải nộp khác	971.654.923	523.673.466
Tổng cộng	134.795.396.268	291.152.003.877

9. Vốn cổ phần và vốn đã góp khác

Vốn cổ phần và vốn đã góp khác chi tiết như sau

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Cổ phiếu thường	970.000.000.000	970.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	970.000.000.000	970.000.000.000
Thặng dư vốn	-	-
Tổng cộng	970.000.000.000	970.000.000.000

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi tiết về vốn cổ phần của Tập đoàn như sau

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu được cấp phép	97.000.000	97.000.000
Mệnh giá	10.000	10.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	97.000.000	97.000.000
(i) Cổ phiếu phổ thông	97.000.000	97.000.000
(ii) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

11. Thu nhập giữ lại

Thu nhập giữ lại bao gồm như sau

Chỉ tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ dự trữ theo điều lệ	1.533.868.431	1.533.868.431
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	19.076.726.531	19.076.726.531
Thu nhập giữ lại không phân phối	109.989.751.125	27.611.431.750
Thu nhập giữ lại khác	-	-
Tổng cộng	130.600.346.087	48.222.026.712

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT

1. Thu nhập và chi phí

1.1 Thu nhập phí bao gồm

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Phí nghiệp vụ môi giới	19.774.896.467	19.774.896.467
Phí tư vấn	71.592.356.732	71.592.356.732
Cộng	91.367.253.199	91.367.253.199

1.2 Chi phí bao gồm

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.768.259.949	2.768.259.949
Chi phí hoạt động tư vấn	9.359.479.304	9.359.479.304
Cộng	12.127.739.253	12.127.739.253

2. Lãi (lỗ) công cụ tài chính theo FVTPL

2.1 Chi tiết về khoản lãi về thay đổi giá trị và chuyển nhượng công cụ tài chính theo FVTPL như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Bán tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ FVTPL	64.210.533.408	64.210.533.408
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ	-	-
Chi phí hoạt động tư vấn	-	-
Cộng	64.210.533.408	64.210.533.408

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2 Chi tiết về khoản lỗ về thay đổi giá trị và chuyển nhượng công cụ tài chính theo FVTPL như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Bán tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ FVTPL	349.560.382.198	349.560.382.198
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ	-	-
Chi phí hoạt động tư vấn	-	-
Cộng	349.560.382.198	349.560.382.198

4. Thu nhập và chi phí tiền lãi

Chi tiết về thu nhập tiền lãi bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Lãi về cho vay ký quỹ (Margin)	37.284.964.160	37.284.964.160
Lãi về khoản ứng trước tiền bán	551.608.611	551.608.611
Tiền lãi từ các tài sản HTM	33.131.276.726	33.131.276.726
Cộng	70.967.849.497	70.967.849.497

Chi tiết về chi phí tiền lãi bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Lãi vay	26.639.302.022	26.639.302.022
Khác	-	-
Cộng	26.639.302.022	26.639.302.022

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Doanh thu hoạt động tài chính/Chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ	156.628	156.628
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	850.855.586	850.855.586
Cộng	851.012.214	851.012.214

Chi phí tài chính bao gồm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ	130.062.477	130.062.477
Chi phí lãi vay	26.639.302.022	26.639.302.022
Cộng	26.769.364.499	26.769.364.499

6. Chi phí quản lý Tập đoàn (chi phí chung và chi phí hành chính)

Chi tiết về chi phí quản lý Tập đoàn như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Lương	10.818.446.917	10.818.446.917
(i) Lương	9.408.760.119	9.408.760.119
(ii) Các khoản trích theo lương	1.409.686.798	1.409.686.798
Cộng	10.818.446.917	10.818.446.917
Khấu hao	1.055.152.270	1.055.152.270
Chi phí chung và chi phí hành chính khác	9.180.043.534	9.180.043.534
Chi phí bưu chính, viễn thông	84.891.473	84.891.473
Chi phí đi thuê tài sản	1.418.029.456	1.418.029.456
Chi phí quảng cáo	58.995.527	58.995.527
Thuế, lệ phí	213.910.419	213.910.419

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí quản lý Công ty (chi phí chung và chi phí hành chính) (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
In ấn, văn phòng phẩm	69.525.497	69.525.497
Đi lại	121.195.354	121.195.354
Điện nước	163.391.678	163.391.678
Chi phí tiếp khách	292.829.729	292.829.729
Khác	6.757.274.401	6.757.274.401
Cộng	21.053.642.721	21.053.642.721

7. Thu nhập (chi phí) khác

Chi tiết về thu nhập khác như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Thu thanh lý TSCĐ	-	-
Thu phạt	20.151.802.862	20.151.802.862
Khác	-	-
Cộng	20.151.802.862	20.151.802.862

Chi tiết về chi phí hoạt động khác như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Chi phí phạt theo hợp đồng	1.054.097.032	1.054.097.032
Chi phí phạt hành chính	1.400.000	1.400.000
Khác	-	-
Cộng	1.055.497.032	1.055.497.032

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi tiết về chi phí thuế TNDN như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Thuế TNDN phải trả hiện hành	20.510.756.680	20.510.756.680
Thay đổi về thuế TNDN giữ lại do chênh lệch tạm thời	-	-
Thay đổi về thuế TNDN giữ lại trực tiếp vào vốn cổ phần	-	-
Điều chỉnh ghi nhận trong kỳ có thuế hiện hành của các kỳ trước	-	-
Chi phí thuế TNDN	20.510.756.680	20.510.756.680

9. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)

EPS cơ bản được tính toán bằng cách: chia thu nhập thuần cho số lượng trung bình trọng cổ phiếu phổ thông lưu hành.

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến 30/06/2016
Thu nhập thuần cho vốn cổ phần kiểm soát	82.378.319.375	82.378.319.375
Cổ tức đối với cổ phiếu ưu đãi	-	-
Thu nhập thuần cho cổ phiếu phổ thông	82.378.319.375	82.378.319.375
Số trung bình trọng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.	97.000.000	97.000.000
EPS cơ bản	849	849

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Cổ đông

Giao dịch đã có với các bên liên quan như sau:

		Các bên liên quan	Tài khoản	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu				
Bên liên quan		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	404,803,830
Tổng cộng				404,803,830

Tài sản và nợ từ giao dịch với các bên liên quan như sau

		Các bên liên quan	Tài khoản	6 tháng đầu năm 2016
Phải thu				
Bên liên quan		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Tiền gửi không kỳ hạn	164,394,925,844
Tổng cộng				164,394,925,844

Chi tiết về các khoản thu nhập của nhân sự chủ chốt như sau:

		06 tháng đầu năm 2016
+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thù lao của Ban Kiểm soát		72,000,000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		427,350,768
Cộng		499,350,768

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Mẫu số B05g - CTCK/HN
(Ban hành theo TT số 210 /2014 /TT-BTC
ngày 30 /12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH TIÊN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN



TRẦN THỊ THANH HUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÂM DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	867.031.538	2.462.161.300	31.062.364.872	278.405.000	34.669.962.710
Mua trong kỳ			95.150.000		95.150.000
Số dư cuối kỳ	867.031.538	2.462.161.300	31.157.514.872	278.405.000	34.765.112.710
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	762.816.152	1.437.230.687	17.561.785.418	239.250.270	20.001.082.527
Khấu hao trong kỳ	30.360.006	122.281.704	2.098.562.967	17.105.826	2.268.310.503
Số dư cuối kỳ	793.176.158	1.559.512.391	19.660.348.385	256.356.096	22.269.393.030
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	104.215.386	1.024.930.613	13.500.579.454	39.154.730	14.668.880.183
Số dư cuối kỳ	73.855.380	902.648.909	11.497.166.487	22.048.904	12.495.719.680

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 11.210.815.963 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 3 - 4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Mẫu số B05g - CTCK/HN

(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Trái khoán

Trái phiếu thường

STT	Chi tiêu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	30/06/2016	01/01/2016
1	Trái phiếu phát hành cho Techcombank	20/04/2015	20/04/2017	9,00%	800.000.000.000	800.000.000.000
2	Trái phiếu phát hành cho Techcombank	07/05/2015	07/05/2017	8,00%	-	500.000.000.000
3	Trái phiếu phát hành cho Cty Bảo Hiểm Vietinbank	15/05/2015	15/05/2017	8,93%	30.000.000.000	80.000.000.000
4	Trái phiếu phát hành cho Cty Quan Lý Quỹ Vietinbank	05/02/2016	05/02/2018	8,00%	-	170.000.000.000
5	Trái phiếu phát hành cho MSB	12/11/2015	14/01/2016	9,20%	-	600.000.000.000
6	Trái phiếu phát hành cho Indovina	08/06/2016	08/06/2018	9,00%	300.000.000.000	-
7	Trái phiếu phát hành cho TP Bank	21/04/2016	21/04/2018	9,00%	140.000.000.000	-
8	Trái phiếu phát hành cho Cty Azura	28/06/2016	28/06/2018	8,50%	250.000.000.000	-
9	Trái phiếu phát hành cho các đối tượng khác	07/03/2016	07/03/2018	0,00%	511.931.369.819	-
	Tổng Cộng				2.031.931.369.819	2.150.000.000.000



Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này